**XÁC ĐỊNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ VÀ KHÔNG CƯ TRÚ**

Thuế thu nhập cá nhân là một trong những nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước. Thuế thu nhập cá nhân là khoản tiền thuế mà người có thu nhập phải trích nộp một phần tiền lương hoặc từ các nguồn thu khác vào ngân sách nhà nước sau khi đã tính các khoản được giảm trừ. Thuế thu nhập cá nhân không đánh vào những cá nhân có thu nhập thấp, vừa đủ nuôi sống bản thân và gia đình ở mức cần thiết

1. **CÁ NHÂN CƯ TRÚ VÀ KHÔNG CƯ TRÚ**

**Việc xác định cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú khi tính thuế thu nhập cá nhân có ý nghĩa quan trọng. Vì mỗi đối tượng có phương pháp, kỳ tính thuế là khác nhau.**

**Cá nhân cư trú là gì?**

Theo khoản 1 Điều 1 Thông tư [111/2013/TT-BTC](https://luatvietnam.vn/thue/thong-tu-111-2013-tt-btc-bo-tai-chinh-80846-d1.html), cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau:

*1. Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam, trong đó ngày đến và ngày đi được tính là 01 ngày.*

*2. Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo một trong hai trường hợp sau:*

**- *Trường hợp 1***: Có nơi ở thường xuyên theo quy định của pháp luật về cư trú

+ Đối với công dân Việt Nam: Nơi ở thường xuyên là nơi cá nhân sinh sống thường xuyên, ổn định không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

+ Đối với người nước ngoài: Nơi ở thường xuyên là nơi ở thường trú ghi trong Thẻ thường trú hoặc nơi ở tạm trú khi đăng ký cấp Thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an cấp.

***- Trường hợp 2:*** Có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế, cụ thể:

+ Cá nhân chưa hoặc không có nơi ở thường xuyên nhưng có tổng số ngày thuê nhà để ở theo các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế cũng được xác định là cá nhân cư trú, kể cả trường hợp thuê nhà ở nhiều nơi.

***Như vậy****, một cá nhân không phân biệt nguồn gốc quốc tịch nếu đáp ứng các điều kiện trên là đối tượng cư trú để xác định nghĩa vụ thuế tại Việt nam. Cá nhân kê khai thu nhập phát sinh tại Việt nam và thu nhập phát sinh ngoài Việt nam.*

**Cá nhân không cư trú**

- Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện của cá nhân cư trú.

*Cá nhân KHÔNG cư trú chỉ kê khai và nộp thuế theo thu nhập phát sinh tại Việt Nam.*

1. **PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

Hiện nay có 03 cách tính thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công áp dụng cho 03 đối tượng khác nhau, cụ thể:

**- PHƯƠNG PHÁP 1:** **Tính theo biểu lũy tiến từng phần: Áp dụng đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên**

**\* Công thức tính thuế thu nhập cá nhân**

Cách tính thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công được tính theo công thức sau:

**(1) Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất**

Trong đó:

**(2) Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Các khoản giảm trừ**

Thu nhập chịu thuế được tính như sau:

**(3) Thu nhập chịu thuế = Tổng thu nhập - Các khoản được miễn**

**\* Các bước tính thuế thu nhập cá nhân**

Căn cứ vào công thức tính thuế trên, để tính được số thuế phải nộp hãy thực hiện theo các bước sau:

Bước 1. Xác định tổng thu nhập chịu thuế

Bước 2. Tính các khoản được miễn

Bước 3. Tính thu nhập chịu thuế theo công thức (3)

Bước 4. Tính các khoản được giảm trừ

Bước 5. Tính thu nhập tính thuế theo công thức (2)

Bước 6. Tính số thuế phải nộp theo công thức (1).

Sau khi tính được thu nhập tính thuế, để xác định được số thuế phải nộp (bước 6) đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công thì người nộp thuế áp dụng phương pháp tính thuế sau theo đúng đối tượng.



**- PHƯƠNG PHÁP 2** **Khấu trừ 10%: Áp dụng đối với cá nhân ký hợp đồng lao động có thời hạn dưới 03 tháng hoặc không ký hợp đồng lao động.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đối tượng | Nguồn thu nhập | Điều kiện |
| - Cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động. | - Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: Tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, tiền hoa hồng môi giới; tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy; tiền tham gia biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiền dịch vụ quảng cáo; tiền dịch vụ khác, thù lao khác.- Tiền nhận được từ tham gia hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị doanh nghiệp, ban kiểm soát doanh nghiệp, ban quản lý dự án, hội đồng quản lý, các hiệp hội, hội nghề nghiệp và các tổ chức khác. | - Có tổng mức trả thu nhập từ 02 triệu đồng/lần trở lên. |
| - Cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng. | - Toàn bộ thu nhập là tiền lương, tiền công hoặc có tính chất là tiền lương, tiền công. |

- Mức khấu trừ: 10% trên thu nhập trả cho cá nhân

Ví dụ: Lương của người lao động ký hợp đồng dưới 03 tháng là 07 triệu đồng (không làm cam kết) sẽ bị khấu trừ 700.000 đồng => Lương thực nhận là 6.3 triệu đồng.

- Thời điểm khấu trừ: Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác thì phải khấu trừ trước khi trả cho cá nhân.

**Trường hợp không khấu trừ thuế thu nhập cá nhân**

Theo điểm i khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC, cá nhân sẽ không bị khấu trừ thuế thu nhập cá nhân với mức 10% nếu đủ điều kiện sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Điều kiện tạm thời chưa khấu trừ | Nhiệm vụ tổ chức, cá nhân trả thu nhập |
|  Căn cứ tạm thời chưa khấu trừ | - Cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế. | - Căn cứ vào cam kết của người nhận thu nhập sẽ không khấu trừ thuế (trả đầy đủ);- Kết thúc năm tính thuế, tổ chức trả thu nhập vẫn phải tổng hợp danh sách và thu nhập của những cá nhân chưa đến mức khấu trừ thuế và nộp cho cơ quan thuế. |
| - Phải làm cam kết theo [mẫu 02/CK-TNCN](https://cms.luatvietnam.vn/uploaded/Others/2019/05/31/Ban-cam-ket-02-CK-TNCN_3105095541.doc)  gửi nơi trả thu nhập.- Phải đăng ký thuế và có mã số thuế tại thời điểm cam kết. |
| Lưu ý:- Ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế như sau:+ Nếu không có người phụ thuộc thì mức phải nộp thuế là > 09 triệu đồng/tháng (> 108 triệu đồng/năm);+ Nếu có người phụ thuộc thì mỗi người sẽ được giảm trừ với mức 3.6 triệu đồng/tháng (43.2 triệu đồng/năm).Như vậy, nếu không có người phụ thuộc mà có mức thu nhập chưa đến 09 triệu đồng/tháng thì người lao động phải làm cam kết và không bị khấu trừ thuế.- Cá nhân làm cam kết phải chịu trách nhiệm về bản cam kết của mình, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế.- Cá nhân làm cam kết theo hướng dẫn tại điểm này phải đăng ký thuế và có mã số thuế tại thời điểm cam kết. |

**Như vây:**

- Cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng mà có tổng mức trả thu nhập từ 02 triệu đồng/lần trở lên sẽ bị nơi trả thu nhập khấu trừ 10% trên thu nhập;

- Cá nhân sẽ không bị khấu trừ nếu chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế và làm cam kết theo mẫu.

**- PHƯƠNG PHÁP 3 Khấu trừ 20%: Áp dụng đối với cá nhân không cư trú, thường là người nước ngoài.**

*2.1. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công*

Theo khoản 1 Điều 18 Thông tư [111/2013/TT-BTC](https://luatvietnam.vn/thue/thong-tu-111-2013-tt-btc-bo-tai-chinh-80846-d1.html), thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (×) với thuế suất 20%.

Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế, gồm:

- Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

- Các khoản phụ cấp, trợ cấp.

- Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như:

+ Tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, tiền hoa hồng môi giới;

+ Tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật;

+ Tiền tham gia các dự án, đề án;

+ Tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút;

+ Tiền tham gia các hoạt động giảng dạy;

+ Tiền tham gia biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao;

+ Tiền dịch vụ quảng cáo; tiền dịch vụ khác, thù lao khác.

- Tiền nhận được từ tham gia hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị doanh nghiệp, ban kiểm soát doanh nghiệp, ban quản lý dự án, hội đồng quản lý, các hiệp hội, hội nghề nghiệp và các tổ chức khác.

- Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức.

- Các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức, kể cả thưởng bằng chứng khoán.

*2.2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế*

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế.

*2.3. Trường hợp cá nhân không cư trú làm việc đồng thời ở Việt Nam và nước ngoài nhưng không tách riêng được phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam*

Việc xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công tại Việt Nam trong trường hợp cá nhân không cư trú làm việc đồng thời ở Việt Nam và nước ngoài nhưng không tách riêng được phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam  thực hiện theo công thức sau:

*- Đối với trường hợp cá nhân người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam:*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam | = | Số ngày làm việc cho công việc tại Việt Nam | x | Thu nhập từ tiền lương, tiền công toàn cầu (trước thuế) | + | Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại Việt Nam |
| Tổng số ngày làm việc trong năm |

Trong đó: Tổng số ngày làm việc trong năm được tính theo chế độ quy định tại Bộ Luật Lao động của Việt Nam.

*- Đối với các trường hợp cá nhân người nước ngoài hiện diện tại Việt Nam:*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam | = | Số ngày có mặt ở Việt Nam | x | Thu nhập từ tiền lương, tiền công toàn cầu (trước thuế) | + | Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại Việt Nam |
| 365 ngày |

Lưu ý:

- Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại Việt Nam là các khoản lợi ích khác bằng tiền hoặc không bằng tiền mà người lao động được hưởng ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả hoặc trả hộ cho người lao động.

- Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập đã khấu trừ thuế phải cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân bị khấu trừ. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ

**Tài liệu tham khảo**

Thông tư [111/2013/TT-BTC](https://luatvietnam.vn/thue/thong-tu-111-2013-tt-btc-bo-tai-chinh-80846-d1.html)

Thông tư 111/2013/TT-BTC

[**https://luatvietnam.vn/thue-phi/cach-tinh-thue-thu-nhap-ca-nhan-2020-565-23087-article.html**](https://luatvietnam.vn/thue-phi/cach-tinh-thue-thu-nhap-ca-nhan-2020-565-23087-article.html)